

NAVIBANK
Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Hà Nội, tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

1. Thông tin chung	3
1.1. <i>Thông tin khái quát</i>	3
1.2. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	3
1.3. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	4
1.4. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i>	5
1.5. <i>Định hướng phát triển</i>	6
1.6. <i>Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty</i>	7
1.7. <i>Các rủi ro</i>	8
2. Tình hình hoạt động trong năm	11
2.1. <i>Tình hình hoạt động kinh doanh</i>	11
2.2. <i>Tổ chức và nhân sự</i>	11
2.3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	12
2.4. <i>Tình hình tài chính</i>	12
2.4.1. <i>Tình hình tài chính</i>	12
2.4.2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	13
2.5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	13
2.5.1. <i>Cổ phần</i>	13
2.5.2. <i>Cơ cấu cổ đông</i>	14
2.5.3. <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ</i>	14
2.5.4. <i>Các chứng khoán khác</i>	14
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
3.1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	14
3.2. <i>Tình hình tài chính</i>	15
3.2.1. <i>Tình hình tài sản</i>	15
3.2.2. <i>Tình hình nợ phải trả</i>	15
3.3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	15
3.4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	15
3.5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	15
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	16
4.1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	16
4.2. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty</i>	16
4.3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	16
5. Quản trị công ty	16
5.1. <i>Hội đồng quản trị</i>	16
5.1.1. <i>Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị</i>	16
5.1.2. <i>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i>	17
5.1.3. <i>Hoạt động của Hội đồng quản trị</i>	17
5.1.4. <i>Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành</i>	17



5.1.5.	<i>Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị</i>	18
5.1.6.	<i>Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty 18</i>	
5.1.7.	<i>Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.....</i>	18
5.2.	<i>Ban kiểm soát</i>	18
5.3.	<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....</i>	18
5.3.1.	<i>Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....</i>	18
5.3.2.	<i>Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ</i>	18
5.3.3.	<i>Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ</i>	18
5.3.4.	<i>Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty</i>	18
6.	<i>Báo cáo tài chính</i>	19
6.1.	<i>Ý kiến kiểm toán</i>	19
6.2.	<i>Báo cáo tài chính được kiểm toán</i>	19

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tên viết tắt: NVS

Năm báo cáo: 2016

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 93/UBCK-GPHĐKD
- Vốn điều lệ: 187.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 187.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng)
- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: (844) 3724 5999 Fax: (844) 3724 5775
- Website: www.nvs.vn Email: contact@nvs.vn

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

2008	16 tháng 05	NVS nhận Giấy phép thành lập và hoạt động của UBCKNN với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán. Vốn điều lệ: 42 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2008	06 tháng 06	NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
2008	13 tháng 08	NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
2008	16 tháng 10	NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
2010	16 tháng 11	NVS chuyển trụ sở chính đến địa điểm Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
2011	11 tháng 01	NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

2011	19 tháng 05	NVS nhận được Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.
2015	14 tháng 05	NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

1.3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

– Ngành nghề kinh doanh:

- **Môi giới chứng khoán**

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ sau cho nhà đầu tư:

- Lập tài khoản giao dịch cho khách hàng;
- Nhận và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán từ khách hàng;
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán;
- Môi giới những giao dịch số lượng lớn;
- Thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch;

- **Tư vấn đầu tư chứng khoán**

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ sau cho nhà đầu tư:

- Cập nhật thông tin thị trường cho khách hàng bằng bản tin ngày, bản tin tuần, bản tin tháng và những báo cáo phân tích của Công ty;
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng thông qua những phân tích về tình hình kinh tế tổng quan, ngành, công ty,

- **Lưu ký chứng khoán**

- **Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác**

- Nghiệp vụ hỗ trợ, tư vấn, bảo lãnh phát hành, phân phối vốn liên quan đến các đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành tăng vốn, quyền bán thêm của nhà bảo lãnh phát hành, quản lý cổ đông;
- NVS còn định hướng tiến trình huy động vốn cho một doanh nghiệp, phát hành riêng lẻ, quyền phát hành và các dạng khác của việc thu hút vốn đầu tư;
- Dịch vụ tư vấn về mua bán, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, mua bán tài chính, thiết lập việc cổ phần hóa và các nghiệp vụ hỗ trợ đính kèm;
- Và các dịch vụ tư vấn tài chính khác...

- **Tự doanh chứng khoán**

Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: đầu tư vào các công ty có kết quả kinh doanh tốt và thuộc nhóm ngành cơ bản. Ngân sách được phê duyệt cho từng công ty dự kiến đầu tư. Kết quả trong năm bước đầu chưa có lãi.

– Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của NVS tập trung chủ yếu tại khu vực các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

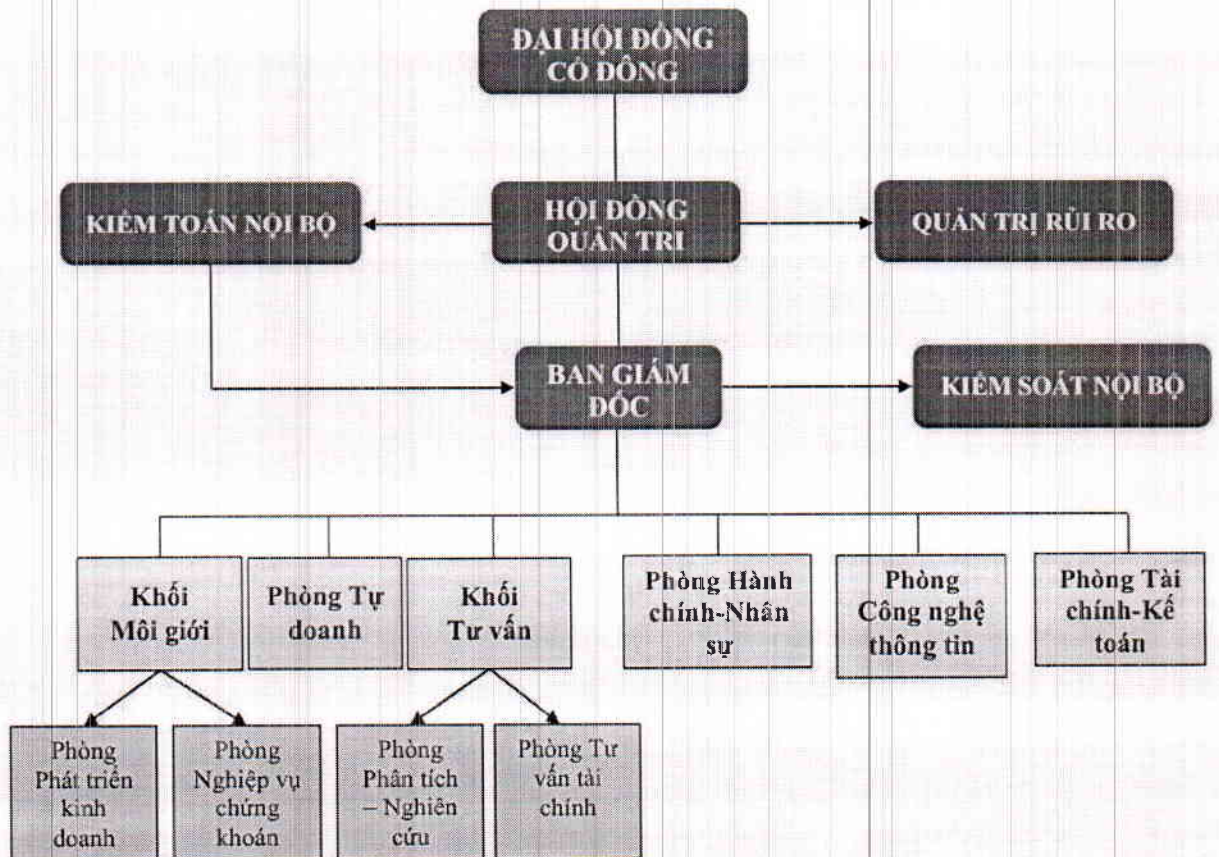
– Mô hình quản trị:

Công ty áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, lãnh đạo phòng ban chức năng. Trong năm qua, tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã quyết định lựa chọn mô hình không có Ban kiểm soát theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp (*Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát*) bởi Công ty hiện chỉ có 4 cổ đông, trong đó có một cổ đông là tổ chức nắm giữ 9,5% vốn điều lệ thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát và bởi HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên làm việc và báo cáo trực tiếp các cổ đông nên các cổ đông có thể trực tiếp giám sát, việc duy trì Ban Kiểm soát không cần thiết, nếu cắt giảm sẽ giúp tổ chức của Công ty được gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Sơ đồ tổ chức



1.5. Định hướng phát triển

– Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào ba mảng lớn, đó là: Môi giới, Tư vấn và Tự doanh. Trong đó:

- **Môi giới chứng khoán:**

Xuất phát từ thực tế hoạt động gần 10 năm của Công ty, Ban Điều hành nhận định rằng, các sản phẩm môi giới truyền thống khó tạo ra sự khác biệt về dịch vụ để cạnh tranh nhằm gia tăng thị phần. Nếu đầu tư để gia tăng sức cạnh tranh thì đồng nghĩa với việc gia tăng rủi ro trong khi tỷ suất lợi nhuận lại giảm sút.

Từ thực tế như vậy, Ban Điều hành quyết định vẫn duy trì nhóm khách hàng trung thành, tập trung chăm sóc nhóm khách hàng này để có doanh thu ổn định cho hoạt động môi giới của Công ty.

- **Hoạt động Tư vấn:**

Trong năm qua, mặc dù ghi nhận trên các báo cáo và sổ sách của Công ty thì Công ty chưa có doanh thu từ hoạt động tư vấn nhưng trên thực tế, hoạt động Tư vấn của Công

tự vẫn diễn ra hết sức khả quan. Thành quả của hoạt động Tư vấn sẽ được ghi nhận vào nửa đầu năm 2017.

Hoạt động tư vấn của Công ty trong năm qua và những năm tới đây sẽ tập trung vào các giao dịch quy mô lớn, đòi hỏi phải cấu trúc nhiều. Chính vì vậy, việc tư vấn thành công đòi hỏi thời gian tư vấn khá dài nhưng đổi lại là phí tư vấn sẽ cao hơn nhiều.

Ngoài ra, Ban Điều hành đang triển khai một số giao dịch lớn với các quỹ, ngân hàng lớn của Châu Âu. Đây chính là bàn đạp để Công ty tiến tới những giao dịch có cấu trúc tương đối khó, có yếu tố nước ngoài nhằm tạo ra sự khác biệt với các công ty chứng khoán khác.

- **Đầu tư tự doanh:**

Hoạt động đầu tư tự doanh của Công ty trong năm qua đã bắt đầu hoạt động hiệu quả. Công ty vẫn khai thác hiệu quả cả 2 kênh đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Trong đó, đầu tư ngắn hạn sẽ không thực hiện thường xuyên mà chỉ tập trung tận dụng một vài cơ hội đầu tư lớn trong năm để nâng cao hiệu quả. Đầu tư dài hạn sẽ tập trung vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, tiềm năng tăng trưởng lớn như đào tạo và công nghệ.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Dựa trên những mục tiêu đề ra trên đây, trong năm 2017, Ban Điều hành quyết định đẩy mạnh hoạt động tự doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty, tranh thủ tình hình thị trường chứng khoán có nhiều thuận lợi. Xa hơn nữa, Công ty sẽ cân nhắc đến việc niêm yết cổ phiếu của Công ty để huy động vốn trên thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, Ban Điều Hành đang tiến hành nghiên cứu thị trường và xây dựng quy trình để triển khai dịch vụ môi giới đối với các sản phẩm dịch vụ chứng khoán khác ngoài cổ phiếu niêm yết.

Hoạt động tư vấn tiếp tục theo đuổi các giao dịch có quy mô lớn và khó để mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty.

1.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty phấn đấu trở thành nơi làm việc được chọn lựa của những người có hoài bão và sáng tạo, sẵn sàng đóng góp trí tuệ và sức lực cho sự thịnh vượng chung của Công ty và cộng đồng; đồng thời, các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chú ý tới việc bảo vệ môi trường chung và từng bước tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm san sẻ những khó khăn với cộng đồng.

1.7. Các rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty là một cấu phần không tách rời trong chiến lược

tổng thể của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Rủi ro được phân nhóm để đánh giá khả năng tác động tới các mục tiêu kinh doanh chính. Đó sẽ là cơ sở để Công ty đưa ra các quy trình nhận diện sớm rủi ro, lượng hóa, gắn với kế hoạch kinh doanh và có cơ chế giám sát, loại trừ. Các giải pháp về quản trị rủi ro sẽ được áp dụng, triển khai nhằm đổi mới, tối ưu hóa hoạt động và tăng trưởng bền vững doanh thu – lợi nhuận.

Bộ máy quản trị rủi ro được phân cấp rõ ràng từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đảm bảo rủi ro được xử lý bởi lãnh đạo/cá nhân chịu trách nhiệm và có thẩm quyền. Bộ máy quản trị rủi ro tại Công ty gồm: Ban Giám đốc; Bộ máy chuyên trách về quản trị rủi ro; Ban Kiểm soát và bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Các rủi ro chính và biện pháp quản trị rủi ro:

– Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là những rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường trong giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, chính sách... tác động xấu tới giá của cổ phiếu.

Các dịch vụ kinh doanh của NVS chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Năm 2016 được đánh giá là một năm khá tích cực đối với thị trường chứng khoán khi đóng cửa phiên giao dịch cuối năm VN-Index đạt ở mức 664,87 điểm, tăng 14,82% so với cuối năm 2015. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index tăng nhẹ (0,2%) lên mức 80,12 điểm; Upcom Index đóng cửa 53,82 điểm, tăng 4,97% so với cuối năm 2015. Điểm tích cực hơn đó là thanh khoản thị trường đã gia tăng mạnh so với năm 2015 cho thấy sức hút của dòng tiền đối với thị trường này đã trở nên hấp dẫn hơn nhiều.

Diễn biến không mấy tích cực trong năm qua đó là hoạt động bán ròng mạnh của khối nhà đầu tư nước ngoài, và đây cũng là năm đầu tiên hiện tượng này xuất hiện trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên việc bán ròng này lại có sự phân hóa khi chủ yếu bán mạnh TPCĐ của VIC; ETF rút ròng 150 triệu USD và bán ròng mạnh tập trung ở các cổ phiếu BCs như VNM cùng giai đoạn với hoạt động thoái hóa vốn của Nhà Nước tại doanh nghiệp này. Tính chung cả hai sàn, khối ngoại đã bán ròng lên tới hơn 6.765,6 tỷ đồng, tương ứng tổng khối lượng bán ròng đạt hơn 136,3 triệu cổ phiếu. Trong đó, hoạt động bán ròng đến từ sàn HSX khi khối lượng bán ròng trên sàn này lên tới hơn 7.828 tỷ đồng, tương ứng khối lượng bán ròng đạt gần 198,6 triệu cổ phiếu và trên HNX vẫn duy trì trạng thái mua ròng.

Từ những thông tin trên cho thấy, mặc dù hoạt động rút vốn của khối ngoại diễn ra mạnh mẽ trong năm qua nhưng thị trường vẫn duy trì được đà tăng trưởng tốt về cả điểm số và thanh khoản cho thấy sự hấp dẫn của thị trường này đã thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư và được đánh giá về đà tăng trưởng vẫn duy trì tốt trong tương lai và đây sẽ là yếu tố thuận lợi cho đà tăng trưởng tiếp tục trong năm 2017.

Trong năm 2016 bên cạnh đà tăng của nhiều nhóm ngành và nhóm cổ phiếu thì cũng không ít cổ phiếu “gây sốc” cho nhà đầu tư và ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư về tính minh bạch của thị trường và tính hiệu quả trong công tác quản lý của cơ quan quản lý. Đại diện là các cổ phiếu MTM, TTF và ATA, trong đó nổi bật nhất là MTM.

Cũng từ sau những vụ như thế này, Sở GDCK Hà Nội cũng đã tăng cường giám sát đối với thị trường như ban hành hai bộ nguyên tắc phân băng trên hệ thống giao dịch UPCoM để phân tách những nhóm công ty có tình hình hoạt động tài chính tốt và không tốt.

Một sự kiện nổi bật năm qua nữa là chứng kiến sự xuất hiện của các CTCK nước ngoài như KIS Việt Nam, Maybank Kim Eng... điều này sẽ gây ra sự cạnh tranh không nhỏ về các mảng môi giới, kinh doanh nguồn và đầu tư cổ phiếu. Và như vậy, các công ty chứng khoán nhỏ trước đây để cạnh tranh với các công ty chứng khoán lớn trong nước vốn đã khó khăn thì nay lại càng khốc liệt hơn.

Số lượng các Công ty chứng khoán ngày càng thu hẹp vì hiện nay để tiếp tục phát triển thì các công ty phải đứng trước hai lựa chọn: một là phát triển về lượng hoặc về chất; hai là phát triển cả hai. Điều đó có nghĩa, các các CTCK sẽ phải chịu sự giám sát, quản lý hoạt động từ cơ quan quản lý một cách gắt gao và nghiêm ngặt hơn. Ngoài ra, về phía các CTCK sẽ phải cải thiện hệ thống quản lý, quy tắc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống công nghệ hiện đại, sản phẩm và dịch vụ ưu việt... Và để có đủ tiềm lực phát triển như thế và để tăng sức cạnh tranh các CTCK phải tăng vốn, tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài, hoặc sáp nhập với nhau hoặc bị thu tóm đặc biệt các CTCK quy mô còn nhỏ.

Những điều này đã gây áp lực không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty đã đặt ra các biện pháp nhằm quản trị rủi ro này như sau:

- + Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, rủi ro liên quan trước khi được Ban Giám đốc thông qua.
- + Tích cực xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, dự báo thị trường nhằm

đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

Rủi ro tuân thủ:

Đây là rủi ro liên quan đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK. Trong quá trình hoạt động, tất cả các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty trong năm vừa qua và những năm tiếp theo.

Trong năm 2016 đã có một số văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của TTCK, CTCK được UBCKNN, các Sở Giao dịch chứng khoán, các cơ quan quản lý ban hành. Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp lý, chỉ đạo các phòng ban, nhân viên trong Công ty thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ như:

- Thiết kế quy trình, chính sách quản trị rủi ro theo quy định của UBCKNN;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- Hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Tại NVS, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra. Ý thức tuân thủ cao của mỗi nhân viên, phòng ban đã giúp Công ty hạn chế rủi ro, tạo thành văn hóa tuân thủ tại NVS. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Việc kiểm soát được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát nội bộ cũng giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro.

Tại NVS, Nội quy công ty quy định cụ thể hình thức, biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty và Ban Giám đốc đưa ra thông điệp rõ ràng kiên quyết xử lý bất cứ cá nhân nào vi phạm. Các trường hợp vi phạm và biện pháp xử lý được thông báo rộng rãi.

2. Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2016, Công ty đã củng cố lại hoạt động môi giới, trong đó tập trung vào những khách hàng lớn có chất lượng giao dịch tốt, khối lượng giao dịch cao, không quá chú trọng vào việc gia tăng thị phần. Bên cạnh đó, Công ty đang xây dựng các quy trình và nghiên cứu thị trường để triển khai các hoạt động môi giới các loại chứng khoán khác, ngoài cổ phiếu niêm yết, nhằm tìm kiếm lợi nhuận từ thị trường ngách vẫn còn để ngỏ.

Ngoài ra, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đã được đẩy mạnh, Công ty đã triển khai được một số hoạt động và thu được phí tư vấn từ các hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính như tư vấn mua bán doanh nghiệp và thu xếp nguồn vốn quốc tế.

2.2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

▪ PHAN ANH TUẤN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ NGÔ VĂN DOANH

Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Môi giới

Chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ NGUYỄN THỊ THANH THÚY

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chuyên môn: Cử nhân QT Tài chính-Kế toán

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ PHAN MAI QUỲNH TRANG

Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính-Nhân sự

Chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ ĐỖ LÊ HẰNG

Chức vụ: Trưởng phòng Tư vấn

Chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ NGUYỄN VĂN KHÁNH

Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

Chuyên môn: Luật sư

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ **NGUYỄN THỊ THU HƯNG**

Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin

Chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):
Không có.
- Chính sách nhân sự:

Ý thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc tồn tại và phát triển nên Công ty đã và đang xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Tổng số nhân viên tính đến ngày 31/12/2016 là 25 người. Khi xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và các chính sách dành cho người lao động, Công ty luôn mong muốn tạo mọi điều kiện cho người lao động có thu nhập tốt, an tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài việc có mức lương không thấp hơn mặt bằng chung của ngành và của xã hội, các chế độ khác đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng được chăm lo đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra Công ty còn quan tâm đến cuộc sống tinh thần của người lao động thể hiện qua các chính sách như thăm hỏi CBNV và người nhà khi bị ốm đau, bệnh tật, tặng quà và tổ chức cho CBNV nhân ngày sinh nhật và nhân ngày kết hôn, tổ chức cá buổi tham quan du lịch, tổ chức các cuộc liên hoan vào các ngày lễ, Tết, các ngày kỷ niệm. Công ty có chính sách đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng công bằng, rõ ràng để khuyến khích và vinh danh những người có tài và cống hiến hết mình cho Công ty.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- **Các khoản đầu tư lớn:**

Không có khoản đầu tư lớn nào được giải ngân trong năm 2016.

- Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

2.4. Tình hình tài chính

2.4.1. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	190.177.838,841	169.904.230.695	(10,66)
Doanh thu thuần	32.259.144.024	13.791.342.953	(57,25)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.750.952.644	1.180.658.689	(92,00)
Lợi nhuận khác	377.961.255	(146.794.372)	(138,84)
Lợi nhuận trước thuế	15.128.913.899	1.033.864.317	(93,17)
Lợi nhuận sau thuế	15.128.913.899	1.033.864.317	(93,17)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015 (trình bày lại)	Năm 2016	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	5,77 (lần)	75,73 (lần)	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	7,14 (lần)	98,93 (lần)	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,12	0,01	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,01	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,96%	7,94%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	46,90%	7,50%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,04%	0,61%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,96%	0,61%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	45,73%	8,56%	

(Nguồn: Các hệ số tính toán dựa trên số liệu trong BCTC NVS đã kiểm toán năm 2016)

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**2.5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 18.700.000 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.700.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNDKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
01	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	00057/NH-GP	18/09/1995	1.770.000	9,5%
02	Nguyễn Sơn	022768266	02/03/2010	8.435.000	45%
03	Quách Thị Nga	020357411	14/05/2014	4.280.000	23%
04	Phạm Thị Yên	025174520	31/08/2009	4.215.000	22,5%

2.5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

2.5.4. Các chứng khoán khác:

Không có.

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2016 tiếp tục là một năm còn khó khăn của nền kinh tế, doanh thu, lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp đều bị sụt giảm, hoạt động của ngành chứng khoán nói riêng cũng chịu sự tác động không nhỏ. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cộng với sự chỉ đạo, giúp đỡ của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2016 với kết quả hoàn thành kế hoạch doanh thu đề ra với con số đạt được là 13.791.342.953 đồng, tuy nhiên doanh thu này vẫn giảm 57,25% so với năm 2015, trong đó giảm chủ yếu là doanh thu tư vấn. Do các dịch vụ tư vấn phải kéo dài sang năm 2017 nên doanh thu sẽ bị chuyển sang 2017. Tuy nhiên, do hoạt động tư vấn đã hoàn thành được 90% khối lượng nên khả năng ghi nhận doanh thu trong nửa đầu năm 2017 là rất cao.

Về doanh thu từ hoạt động môi giới: giảm 3,9% so giảm không nhiều với năm 2015, đạt được 3.683.939.970 đồng tương ứng với 26,71% tổng doanh thu năm.

Về doanh thu tự doanh trong năm có nhiều khởi sắc tăng 170,58% so với năm 2015, đạt 3,046,679,664 đồng.

Các doanh thu khác như doanh thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu... trong năm 2016 đã đạt 7.054.834.374 đồng tương ứng với 51,15% tổng doanh thu năm, tăng 9,4% so với năm 2015.

3.2. Tình hình tài chính

3.2.1. Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Trong năm 2016 Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng sử dụng tiền một cách linh hoạt, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn.

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Năm 2016, công ty có một số khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn ngân hàng trong những thời điểm chưa sử dụng đến. Đồng thời trong năm hoạt động tự doanh đã có nhiều chuyển biến lớn về cơ cấu danh mục đầu tư nhờ đó mà kết quả đầu tư tự doanh 2016 đạt tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong các doanh thu.

- Các khoản phải thu ngắn hạn: Trong năm, Công ty có một số khoản phải thu ngắn hạn gồm các khoản tiền hợp tác đầu tư và hỗ trợ tài chính cho khách hàng giao dịch tại Công ty. Các khoản phải thu này đều có tài sản đảm bảo, được kiểm soát theo một quy trình chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn.

- Tài sản dài hạn: Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản (2,92%) do Công ty chỉ mua sắm những tài sản thực sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm tài sản không có biến động gì lớn do tài sản đã được mua sắm trong những năm trước.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2015, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, nhân sự của Công ty vẫn theo cơ cấu gọn nhẹ hiệu quả. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian tới, hoạt động môi giới tiếp tục phát triển theo hướng tập trung vào số ít khách hàng giao dịch lớn có hiệu quả về chất lượng, không đẩy mạnh về số lượng. Trên hết, Công ty sẽ tập trung nguồn lực chủ yếu cho hoạt động tư vấn và đầu tư.

3.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nhìn chung, trong năm 2016, Ban Điều hành đã thực thi và triển khai thực hiện chỉ đạo về định hướng hoạt động trong năm. Qua đó, CBCNV toàn công ty đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc thu hút nhiều khách hàng, tăng trưởng doanh thu, đa dạng hóa cơ cấu nguồn thu, tiết giảm chi phí, tối ưu hóa bộ máy nhân sự, đã ghi nhận sự cố gắng trong việc điều hành công ty theo hướng giảm chi phí, tinh gọn bộ máy nhân sự, tối ưu các vị trí công việc, quản trị rủi ro khá tốt trong các hoạt động đầu tư, cho vay. Trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận và tiếp tục phát huy hơn nữa để đạt kết quả tốt hơn nữa trong những năm tiếp theo.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Nhìn chung trong năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh, xử lý được một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền, và tiếp nhận báo cáo từ Tổng giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị dự kiến sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty.

- Tập trung mở rộng hoạt động môi giới sang các mảng sản phẩm khác ngoài sản phẩm truyền thống.
- Đẩy mạnh việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như phát hành trái phiếu, tư vấn M&A.
- Nghiên cứu, phân tích, giải ngân cho hoạt động đầu tư. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 trình Đại hội cổ đông.

5. Quản trị công ty

5.1. Hội đồng quản trị

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%/vốn điều lệ)	Tình trạng thành viên	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1.	Phan Anh Tuấn	0	Thành viên điều hành	

2.	Lê Chí Phúc	0	Thành viên độc lập	
3.	Lê Kim Chi	0	Thành viên độc lập	
4.	Nguyễn Sơn	35,62	Thành viên độc lập	
5.	Lê Nguyễn Hoàng Anh	0	Thành viên độc lập	

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Kiểm toán nội bộ.

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ Công ty, HĐQT họp hàng quý hoặc khi có các vấn đề phát sinh. HĐQT có các chỉ đạo kịp thời liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực thi đầy đủ thông qua các cuộc họp HĐQT.

Dưới đây là tỉ lệ tham gia các buổi họp HĐQT của các thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phan Anh Tuấn	CT HĐQT	04	100%	-
02	Ông Lê Chí Phúc	TV HĐQT	04	100%	-
03	Ông Nguyễn Sơn	TV HĐQT	04	100%	Ủy quyền cho ông Tuấn
04	Bà Lê Kim Chi	TV HĐQT	04	100%	-
05	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	TV HĐQT	04	100%	-

Kết quả các cuộc họp được lập thành biên bản và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/2016/NVS/NQ-HĐQT	26/01/2016	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh do Tổng Giám đốc báo cáo - Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty vào tháng 6/2016
02	02/2016/NVS/NQ-HĐQT	20/06/2016	Thông qua giao dịch với ngân hàng
03	03/2016/NVS/NQ-HĐQT	31/08/2016	Thông qua một số vấn đề thuộc về công nghệ thông tin

04	04/2016/NVS/NQ-HĐQT	30/12/2016	Thông qua việc bổ sung vốn lưu động cho Công ty
----	---------------------	------------	---

5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Có 4/5 thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành.

5.1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không thành lập tiểu ban Hội đồng quản trị do quy mô hoạt động chưa lớn và bộ máy cần đơn giản. Bổ nhiệm một Trưởng bộ phận đảm nhiệm vai trò thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

5.1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Ông Phan Anh Tuấn
- Ông Lê Chí Phúc.

5.1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có.

5.2. Ban kiểm soát

Năm 2016, tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã quyết định lựa chọn mô hình không có Ban kiểm soát theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp (*Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát*) bởi Công ty hiện chỉ có 4 cổ đông, trong đó có một cổ đông là tổ chức nắm giữ 9,5% vốn điều lệ thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát và bởi HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên làm việc và báo cáo trực tiếp các cổ đông nên các cổ đông có thể trực tiếp giám sát, việc duy trì Ban Kiểm soát không cần thiết, nếu cắt giảm sẽ giúp tổ chức của Công ty được gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

5.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương hàng tháng. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2016 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào được thực hiện.

5.3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*

Trong năm 2016 không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

5.3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.

6. **Báo cáo tài chính**

6.1. *Ý kiến kiểm toán*

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Trích dẫn: Báo cáo kiểm toán số: .../2017/BC.KTTC-AASC.KT2 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Báo cáo tài chính năm 2016 không có các ý kiến loại trừ.

6.2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*

Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		164,944,760,327	185,010,760,464
110	I. Tài sản tài chính		164,815,949,815	184,883,585,694
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6,023,930,415	24,067,052,595
111.1	1.1 Tiền		523,930,415	198,520,919
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		5,500,000,000	23,868,531,676
112	1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	24,387,256,183	24,160,000,000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	9,000,000,000	10,000,000,000
114	3. Các khoản cho vay	5	42,246,128,866	44,054,649,753
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	22,629,704,000	22,629,704,000
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(3,256,725,462)	(3,200,000,000)
117	6. Các khoản phải thu	7	538,382,801	378,521,016
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		538,382,801	378,521,016
117.4	6.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		538,382,801	378,521,016
118	7. Trả trước cho người bán		15,000,000	480,000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	1,517,951,314	1,009,155,914
122	9. Các khoản phải thu khác	7	62,163,546,743	62,000,000,000 *
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(449,225,045)	(215,977,584)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		128,810,512	127,174,770
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	109,935,360	106,702,044
136	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	18,875,152	20,472,726
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4,959,470,368	5,167,078,377
220	II. Tài sản cố định		1,607,161,597	1,870,782,760
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1,434,193,736	1,640,583,870
222	- Nguyên giá		8,460,085,306	8,443,238,451
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7,025,891,570)	(6,802,654,581)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	172,967,861	230,198,890
228	- Nguyên giá		4,808,946,430	4,708,946,430
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4,635,978,569)	(4,478,747,540)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	100,000,000	100,000,000
250	V. Tài sản dài hạn khác		3,252,308,771	3,196,295,617
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	308,770,000	308,770,000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	77,481,195	258,802,574
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	2,866,057,576	2,628,723,043
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		169,904,230,695	190,177,838,841

300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,438,484,983	22,745,957,446
	Nợ phải trả ngắn hạn			
310	I. hạn		1,438,484,983	22,745,957,446
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1,000,000,000	22,080,000,000
312	1.1 Vay ngắn hạn		1,000,000,000	22,080,000,000
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		-	10,164,650
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	76,207,948	37,877,481
323	4. Phải trả người lao động		-	310,174,990
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	361,322,803	305,959,390
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		954,232	1,780,935
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
400	D. HỮU		168,465,745,712	167,431,881,395
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	168,465,745,712	167,431,881,395
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		187,000,000,000	187,000,000,000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		187,000,000,000	187,000,000,000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187,000,000,000	187,000,000,000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(18,534,254,288)	(19,568,118,605)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(18,534,254,288)	(19,568,118,605)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>169,904,230,695</u>	<u>190,177,838,841</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		902,409,401	902,409,401
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		18,700,000	18,700,000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	15,500,350,000	16,000,000,000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	23	28,287,130,000	28,287,130,000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24	3,429,476,540,000	2,952,757,480,000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2,242,327,920,000	1,899,421,290,000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		976,380,000	976,110,000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1,130,306,950,000	990,070,410,000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		43,927,890,000	43,927,890,000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		11,937,400,000	18,361,780,000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25	19,972,980,000	15,659,470,000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10,786,890,000	15,270,000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		9,186,090,000	15,644,200,000
026	1. Tiền gửi của khách hàng	26	11,445,175,690	19,688,189,715
027	1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11,445,175,690	19,688,189,715
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27	11,445,175,690	19,688,189,715
031.1	2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11,445,175,686	19,688,139,664
031.2	2.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4	50,051

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		3,046,679,664	1,125,980,000
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	3,046,664,164	661,480,000
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.b)	15,500	464,500,000
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.b)	1,562,721,375	2,464,009,255
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.b)	3,908,625,097	2,470,349,619
06	1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3,683,939,970	3,833,829,784
08	1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	2,059,600,000
09	1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1,572,480,713	1,320,642,979
10	1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		-	18,750,000,000
11	1.11 Thu nhập hoạt động khác	29.c)	11,007,189	193,757,972
20	Cộng doanh thu hoạt động		13,785,454,008	32,218,169,609
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		840,000,000	576,900,000
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	840,000,000	576,900,000
24	2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		56,725,462	3,200,000,000
26	2.6 Chi phí hoạt động tự doanh		108,364,000	263,559,785
27	2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2,432,235,716	3,181,127,934
29	2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	111,573,935
30	2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2,113,332,597	1,842,275,910
31	2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		859,785,193	1,015,736,690
32	2.12 Chi phí các dịch vụ khác	30	272,597,433	231,157,189
40	Cộng chi phí hoạt động		6,683,040,401	10,422,331,443
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	31		
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		5,888,945	40,974,415

50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính		5,888,945	40,974,415
	IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	32		
52	4.2	Chi phí lãi vay		123,286,957	23,201,371
60		Cộng chi phí tài chính		123,286,957	23,201,371
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	33	5,804,356,906	7,062,658,566
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1,180,658,689	14,750,952,644
	VIII	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1	Thu nhập khác		3,207,169	399,538,448
72	8.2	Chi phí khác	34	150,001,541	21,577,193
80		Cộng kết quả hoạt động khác		(146,794,372)	377,961,255
90	IX.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1,033,864,317	15,128,913,899
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện		1,033,864,317	15,128,913,899
100	X.	CHI PHÍ THUẾ TNDN	35	-	-
200	XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1,033,864,317	15,128,913,899
500	XIII	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	36	-	835

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1,033,864,317	15,128,913,899
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		418,638,018	1,079,352,531
04	- Các khoản dự phòng		289,972,923	3,415,977,584
06	- Chi phí lãi vay		123,286,957	23,201,371
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6,343,490)	(425,184,525)
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1,859,418,725	19,222,260,860
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(227,256,183)	(24,160,000,000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		1,000,000,000	4,700,000,000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		1,808,520,887	(37,391,461,707)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	(22,629,704,000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(159,861,785)	38,583,149
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(508,795,400)	(190,019,030)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(163,546,743)	37,209,696,093
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(237,334,533)	(1,026,639,027)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		64,735,991	(428,519,993)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		178,088,063	159,120,141
44	- Lãi vay đã trả		(132,659,535)	(194,689,904)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(24,684,650)	(17,611,389)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		39,928,041	(77,641,481)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(310,174,990)	9,338,167
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(826,703)	(4,999,023,259)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	292,311,600
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3,185,551,185	(29,483,999,780)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(155,016,855)	(1,611,007,273)

62	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	454,545	399,536,363
65	3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,888,945	40,974,415
70		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(148,673,365)	(1,170,496,495)
		III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
71	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	26,000,000,000
73	2.	Tiền vay gốc	43,953,696,528	46,992,772,888
73.2	2.1	Tiền vay khác	43,953,696,528	46,992,772,888
74	3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(65,033,696,528)	(24,912,772,888)
74.3	3.1	Tiền chi trả gốc nợ vay khác	(65,033,696,528)	(24,912,772,888)
80		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(21,080,000,000)	48,080,000,000
90		IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm	(18,043,122,180)	17,425,503,725
101		V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	24,067,052,595	6,641,548,870
101.1		- Tiền	198,520,919	429,148,870
101.2		- Các khoản tương đương tiền	23,868,531,676	6,212,400,000
103		VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	6,023,930,415	24,067,052,595
103.1		- Tiền	523,930,415	198,520,919
103.2		- Các khoản tương đương tiền	5,500,000,000	23,868,531,676

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
HÀNG
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1,100,384,602,300	1,297,670,872,000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(585,706,596,000)	(1,075,674,456,000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(514,851,908,177)	(287,717,771,083)
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(7,164,483,872)	(7,018,173,427)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(904,628,276)	(1,076,811,152)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3,282,357,944	6,226,954,516
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3,282,357,944)	(6,226,954,516)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		(8,243,014,025)	(73,816,339,662)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		19,688,189,715	93,504,529,377
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		19,688,189,715	93,504,529,377
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		19,688,189,715	93,504,529,377
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		11,445,175,690	19,688,189,715
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		11,445,175,690	19,688,189,715
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11,445,175,690	19,688,189,715

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2015		01/01/2016		31/12/2015		31/12/2016	
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161,000,000,000	187,000,000,000	-	-	-	-	187,000,000,000	187,000,000,000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		161,000,000,000	187,000,000,000	-	-	-	-	187,000,000,000	187,000,000,000
3. Lợi nhuận chưa phân phối		(34,697,032,504)	(19,568,118,605)	-	1,033,864,317	-	-	(19,568,118,605)	(18,534,254,288)
3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(34,697,032,504)	(19,568,118,605)	-	1,033,864,317	-	-	(19,568,118,605)	(18,534,254,288)
TỔNG CỘNG		126,302,967,496	167,431,881,395	-	1,033,864,317	-	-	167,431,881,395	168,465,745,712



PHAN ANH TUẤN